ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 365 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác quốc phòng địa phương năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

I. KẾT QUẢ QUÁN TRIỆT, LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Quán triệt và ban hành hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo

- Tiếp thực hiện nghiêm Nghị quyết số 55/NQ-CP của Chính phủ về "chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"; Quyết định số 1022/QĐ-TTg ngày 07/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 1059/NQ-UBTVQH13 ngày 09/11/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về kinh tế kết hợp với quốc phòng-an ninh và các văn bản mới có liên quan đến công tác QPĐP.

- Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về công tác QPĐP năm 2018. Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Hội đồng GDQP&AN và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh đã ban hành 29 văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm cụ thể hóa để các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhà trường tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành thống nhất, đạt hiệu quả *(Có phụ lục kèm theo)*.

2. Tổ chức triển khai

- UBND các cấp đã tổ chức các hội nghị tổng kết: tổng kết công tác QPĐP, GDQP&AN năm 2017; tổng kết công tác phối hợp giữa Công an- Quân sự- Biên phòng theo Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ và triển khai nhiệm vụ năm 2018; tổng kết công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân năm 2018; sơ kết 01 năm kết quả xây dựng, kiện toàn, củng cố nâng cao năng lực hoạt động Ban CHQS, đơn vị tự vệ các cơ quan, tổ chức và các chốt chiến đấu DQTT biên giới. Tổ chức củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân, Ban Chỉ đạo 1237 (nay là Ban chỉ đạo 515), Hội đồng Nghĩa vụ quân sự, Hội đồng GDQP&AN tỉnh…; Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng và Quy chế hoạt động của Hội đồng cung cấp KVPT cấp tỉnh đúng, đủ thành phần quy định và hoạt động theo quy chế đạt hiệu quả, thiết thực.

- Tổ chức tuyên truyền kỷ niệm 83 năm ngày truyền thống lực lượng DQTV (28/3/1935-28/3/2018); 72 năm ngày truyền thống LLVT Tây Ninh (05/3/1946-05/3/2018); 43 năm ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2018).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QPĐP

1. Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ

a) Hoạt động của Ban Chỉ đạo Khu vực phòng thủ

- Tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng Khu vực phòng thủ. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy về xây dựng khu vực phòng thủ giai đoạn 2016-2021; Tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ đạo Khu vực phòng thủ đúng, đủ thành phần theo quy định và hoạt động đạt chất lượng, hiệu quả. Tổ chức lực lượng rà phá bom mìn, vật liệu nổ phục vụ phân giới cắm mốc tuyến biên giới đất liền Việt Nam-Campuchia năm 2018 với diện tích 113,1 ha.

- Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng 03 khu dân cư biên giới Bắc Tây Ninh, đến nay Khu dân cư Chàng Riệc đã hoàn thành giai đoạn I và triển khai thực hiện giai đoạn 2; tiếp tục thi công xây dựng công trình Sở Chỉ huy thống nhất huyện Hòa Thành (đạt 50%), Sở Chỉ huy huyện Bến Cầu (đạt 35%), công trình các chốt dân quân: Suối Tre/Tân Châu (đạt 85%), Đồi Thơ/Châu Thành (đạt 90%), Cứ 24/Tân Biên (đạt 85%), Gò Da/Bến Cầu (đạt 75%), A8/Trảng Bàng (đạt 50%). Khảo sát, giải phóng mặt bằng công trình chiến đấu Cụm điểm tựa Nam Suối Nước Trong/Tân Châu; Mộc Bài/Bến Cầu; Chốt Chiến dịch/Gò Dầu. Khảo sát công trình SCH thống nhất Thành phố Tây Ninh năm 2018; khảo sát, điều chỉnh cụm điểm tựa Mộc Bài 1, quy hoạch cụm điểm tựa Mộc Bài 2; lập dự án SCH thống nhất Trảng Bàng, Gò Dầu.

- Thực hiện có hiệu quả các Đề án, Kế hoạch, gồm: Đề án xây dựng KVPT tỉnh giai đoạn 2017-2021 và những năm tiếp theo; Đề án xây dựng lực lượng quân báo trinh sát giai đoạn 2017-2021; Đề án xây dựng chốt dân quân giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch tổ chức xây dựng DQTV; Kế hoạch xây dựng Ban CHQS xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch diễn tập KVPT huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã giai đoạn 2017-2019; Kế hoạch tổ chức đào tạo trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) ngành quân sự cơ sở (QSCS) khóa V giai đoạn 2017 – 2019; Kế hoạch mua sắm, trang bị công cụ hỗ trợ cho DQTV giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch xây dựng đơn vị tự vệ trong các Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch hoạt động công tác Phòng không nhân dân năm 2018.

- Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh tổ chức luyện tập CH-CQ 1 bên 2 cấp trên bản đồ, tổ chức luyện tập các phương án chuyển trạng thái SSCĐ; huyện Bến Cầu, Thành phố Tây Ninh tổ chức thành công cuộc diễn tập KVPT và tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2018 cho 25/25 xã, phường, thị trấn, kết quả diễn tập đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

b) Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần

- Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (Khóa XII); Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tuyên truyền cho cán bộ,

chiến sĩ tích cực đấu tranh phòng, chống "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

- Các cấp, các ngành thực hiện tốt cơ chế Đảng lãnh đạo, chính quyền chỉ đạo, quản lý, điều hành có nhiều tiến bộ; vai trò làm tham mưu của các sở, ban, ngành, địa phương trong xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần luôn được phát huy hiệu quả; nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân được nâng lên; Công tác dân vận có nhiều sự đổi mới cả về nội dung lẫn phương thức hoạt động theo phương châm *"Nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin"*; Bồi dưỡng, đào tạo, nguồn phát triển đảng viên cho đội ngũ cán bộ trẻ được quan tâm đúng mức; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thực hiện công tác QPĐP. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được duy trì hoạt động có nền nếp, bảo đảm an toàn về chính trị, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

- Công tác đền ơn đáp nghĩa, chính sách xã hội, người có công luôn được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm. Năm 2018 chăm lo cho người có công với cách mạng, người nghèo, các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người cao tuổi và các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí trên 71 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 35 căn nhà đại đoàn kết; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 21.174 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số; tổ chức chi trả chế độ chính sách cho 1.969 đối tượng với tổng số tiền hơn 4,215 tỷ đồng theo Quyết định số 290, 62/QĐ-TTg, Quyết định số 15/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 09/TTLT-BQP-BNV-BTC của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính. Nhân dịp Tết cổ truyền, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức các đoàn công tác thăm, tặng quà cho các đơn vị LLVT đứng chân trên địa bàn, Ban CHQS xã, phường, thị trấn, chốt Dân quân biên giới, chốt Dân quân Khu công nghiệp với số tiền trên 1,3 tỷ đồng. Bình quân mỗi xã 9,1 triệu đồng, mỗi chốt 14,9 triệu đồng; giải quyết tốt những yêu cầu chính đáng, bức xúc của nhân dân, góp phần ổn định đời sống xã hội, thu hút đông đảo quần chúng tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng-an ninh, tạo tiềm lực thế trận lòng dân vững chắc. Ban chỉ đạo 1237 tỉnh (nay là Ban chỉ đạo 515) tổ chức quy tập, lễ truy điệu an táng hài cốt liệt sỹ (tiềm kiếm quy tập ở Campuchia giai đoạn XVII là 184 bộ và quy tập trên địa bàn tỉnh 05 bộ).

- Công tác GDQP&AN

+ Tổ chức củng cố, kiện toàn Hội đồng GDQP&AN các cấp đúng, đủ thành phần, chất lượng hoạt động được nâng lên, đạt hiệu quả thiết thực; ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác GDQP&AN năm 2018 và giai đoạn 2016- 2020.

+ Tham gia và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN được 78 khóa, lớp/4.039 người (03 khóa/03 đ/c thuộc đối tượng 1; 05 khóa/39 đ/c thuộc đối tượng 2; 02 khóa/30 vị chức sắc, già làng, trưởng bản, trưởng họ tộc, người có uy tín trong cộng đồng dân cư; 02 khóa/179 thuộc đối tượng 3; 59 lớp/3.454 đ/c cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chủ hộ dân biên giới.... thuộc đối tượng 4; 07lớp/334 vị chức việc các tôn giáo).

+ Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức cấp phát 160 khẩu súng tiểu liên AK cấp 5 đã được hoán cải, vô hiệu hóa; 16 tủ đựng súng; 16 bộ thiết bị bắn tập (MBT-03) kèm máy tính chuyên dùng phục vụ môn học GDQP&AN cho 32 Trường THPT trên địa bàn tỉnh.

+ Giáo dục, giảng dạy môn học GDQP&AN cho 29.823 em học sinh, sinh viên các Trường THPT, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề và Cao đẳng sư phạm có chất lượng và đi vào chiều sâu. Qua đó đã trang bị những kiến thức cơ bản về đường lối, quan điểm chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn chiến lược "DBHB", BLLĐ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.

Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh- Truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức QP&AN toàn dân được 2.566 lần, với 2.490 tin bài; tổ chức chuyên mục trên đài truyền thanh, phát thanh được 535 lần, với 493 tin bài; tuyên truyền các hình thức khác được 4.325 lần. Qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm tham gia xây dựng lực lượng DQTV, DBĐV và vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, góp phần giữ vững ANCT-TTATXH ở cơ sở.

c) Xây dựng tiềm lực kinh tế

Giá trị sản xuất công nghiệp *(giá so sánh 2010)* thực hiện 76.678 tỷ đồng, tăng 1,7% so KH, tăng 16,4% so với CK *(KH 2018: tăng 14,5% trở lên)*

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản *(giá so sánh 2010)* ước thực hiện 25.929 tỷ đồng, giảm 2,8% so KH, tăng 1,1% so với CK *(KH 2018: tăng 4% trở lên).*

Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ *(giá so sánh 2010)* ước thực hiện 28.036 tỷ đồng, đạt 100,4% KH, tăng 6,9% so với CK *(KH 2018: tăng 6,5% trở lên).*

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm Quyết định số 13/2012/QĐ-TTg ngày 23/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về kết hợp phát triển KT-XH trong khu vực phòng thủ; Nghị quyết 07- NQ/TU ngày 12/10/2007 của Tỉnh ủy về tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, củng cố QP-AN khu vực biên giới giai đoạn 2007-2010 và định hướng đến năm 2020; Kế hoạch số 114/KH-UBND ngày 15/10/2012 của UBND tỉnh về thực hiện quy chế kết hợp kinh tế-xã hội với quốc phòng an ninh trong khu vực phòng thủ tỉnh.

- Thực hiện Nghị định số 132/2004/NĐ-CP ngày 04/6/2004 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh động viên công nghiệp. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp có khả năng động viên (Các Công ty: Cơ khí Tây Ninh, Cơ khí Công Minh, Tân Ngọc Lực, Dây cáp điện Vĩnh Thịnh, Việt Thu) và một số ngành công nghiệp xây dựng phát triển kinh tế trong thời bình.

- Đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, các tuyến đường tỉnh lộ, đường giao thông nông thôn, hiện nay phần lớn các tuyến giao thông chính đã được nhựa hóa với nhiều trục ngang, dọc bảo đảm nhu cầu đi lại cho nhân dân; Phối hợp

Quân khu 7 tổ chức thi công đường tuần tra biên giới để tạo điều kiện thuận lợi cho lực lượng, phương tiện sẵn sàng cơ động khi có tình huống.

- Đang hoàn chỉnh thủ tục triển khai 02 dự án kinh tế-xã hội trên lĩnh vực quốc phòng tại địa phương, gồm: Dự án xây dựng cửa khẩu Phước Tân/Châu Thành; Dự án khoanh định khu vực tạm thời cấm cấp phép hoạt động khai thác kháng sản đối với đất dành riêng cho quốc phòng.

- Thu hút đầu tư trong nước: Đạt 13.753 tỷ đồng, giảm 13,8% so với CK. Lũy kế đến nay có 508 dự án đầu tư còn hiệu lực với vốn đăng ký 71.491 tỷ đồng; trong đó có 274 dự án đi vào hoạt động với số vốn 25.785 tỷ đồng, 61 dự án đang triển khai xây dựng với số vốn 17.717 tỷ đồng, 167 dự án chưa xây dựng với số vốn 26.948 tỷ đồng, 06 dự án dừng hoạt động với tổng vốn đầu tư 1.041 tỷ đồng. Vốn thực hiện đạt khoảng 24% so với vốn đăng ký.

- Đẩy mạnh hệ thống văn phòng điện tử, họp không giấy, ứng dụng chữ ký số; áp dụng ISO trong hoạt động ở cơ quan hành chính Nhà nước phát huy có hiệu quả, tiện ích; mạng lưới bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khi động viên phục vụ quốc phòng.

d) Hoạt động đối ngoại

- Công tác đối ngoại được tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng với chủ trương của Đảng, Nhà nước. Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và địa phương làm tốt công tác phối hợp trong thực hiện công tác đối ngoại, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề nảy sinh trên biên giới theo phương châm *"Đoàn kết, hữu nghị, láng giềng thân thiện cùng phát triển"*; giữ vững mối quan hệ truyền thống với chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân Campuchia giáp biên, góp phần giữ vững ANCT-TTATXH trên tuyến biên giới.

- Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh phối hợp với 04 tỉnh Tiểu khu quân sự Ốt Đô Miên Chây, Svay Riêng, Prey Veng, Tboung Khmum thuộc Quân đội Hoàng gia Campuchia tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động hợp tác năm 2017 và ký kết biên bản hợp tác năm 2018; tổ chức tọa đàm sĩ quan trẻ giữa Bộ CHQS tỉnh và 03 tiểu khu Svay Riêng, Prey Veng, Tboung Khmum tại tiểu khu quân sự Tboung Khmum; Ban CHQS cấp huyện duy trì hợp tác kết nghĩa với chi khu quân sự thuộc 03 tỉnh giáp biên Vương quốc Campuchia; tổ chức giao lưu văn hóa văn nghệ và tổ chức nhiều đoàn thăm, tặng quà nhân dịp tết cổ truyền "Chol Th'năm Th'mây" và hỗ trợ kinh phí, vật chất, tài chính đối với các tỉnh của Campuchia với số tiền trên 5,1 tỷ đồng.

- Công tác phân giới cắm mốc, kết hợp các hoạt động tuyên truyền về đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Luật biên giới quốc gia và công tác quản lý biên giới Việt Nam- Campuchia được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; đã phối hợp, thống nhất cắm cột mốc biên giới, trên tuyến biên giới của tỉnh Tây Ninh nằm trong khu vực biên giới đã cắm được 102/109 cột mốc (93,57%), phân giới được 228/240 km (95%).

e) Tổ chức xây dựng lực lượng

- Xây dựng Bộ đội thường trực bảo đảm theo nhu cầu biên chế, các đơn vị sẵn sàng chiến đấu quân số đạt 95% trở lên. Đội ngũ cán bộ các cấp thường xuyên được kiện toàn, nâng cao chất lượng, bảo đảm đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên. Tổ chức đón tiếp 1.642 quân nhân xuất ngũ đăng ký vào ngạch dự bị. Công tác đăng ký, quản lý, sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên đạt 99,59%; xếp đúng CNQS đạt 82,36%, gần đúng chiếm 10,42%, không đúng chiếm 7,62%, tỷ lệ đảng viên đạt 8,09%, đoàn viên đạt 49,33%.

- Toàn tỉnh có 16.614 đ/c DQTV, chiếm 1,5% dân số; trong đó (dân quân 1,24%, tự vệ đạt 0,26%). Tỷ lệ đảng viên DQTV đạt 20,65 % (dân quân 15,26%); đoàn viên 57,19% so tổng số DQTV. Có 95 Ban CHQS xã, phường, thị trấn; trong đó, 100% Chỉ huy trưởng là đảng viên, có 92 đ/c là cấp uỷ viên, đạt 96,84%; 100% Chính trị viên, Chính trị viên phó là đảng viên; 177/190 đ/c Chỉ huy phó, đạt 93,15%; 100% xã, phường, thị trấn thành lập chi bộ quân sự, trong đó chi bộ có cấp uỷ 49/95, đạt 51,58%; củng cố, kiện toàn 99 Ban CHQS cơ quan, tổ chức (giảm 04, lý do giải thể); xây dựng lực lượng Dân quân xã biên giới đạt 1,65 % so với dân số; củng cố 28 chốt Dân quân biên giới; 02 tiểu đội DQTT trong Khu Công nghiệp Thành Thành công, Khu liên hợp Phước Đông/Gò Dầu và 02 trung đội tự vệ của Công ty có yếu tố nước ngoài.

g) Công tác huấn luyện

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện Nghị quyết 765-NQ/QU ngày 20/12/2012 của Quân ủy Trung ương, Nghị quyết số 1309-NQ/ĐU ngày 10/02/2014 của Đảng ủy Quân khu về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2013-2020 và những năm tiếp theo; Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh tổ chức huấn luyện cho các đối tượng theo đúng quy định, qua kiểm tra các nội dung đều đạt khá, giỏi; bảo đảm an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị (có phụ lục kèm theo).

2. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và tuyển sinh quân sự

- Năm 2018 chỉ đạo các địa phương tổ chức giao quân 1.669/1669 công dân (Quân đội 1.501/1 nữ, Công an 168) đạt 100% chỉ tiêu; cử tuyển đảng viên nhập ngũ đạt 4,31%; đoàn viên đạt 95,69%; trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt 13,12%; Chỉ đạo các huyện, thành phố thực hiện tốt các bước tuyển chọn và gọi nhập ngũ năm 2019.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng nghiệp tuyển sinh quân sự bảo đảm chặt chẽ, chất lượng và chuyển giao 255 bộ hồ sơ cho Hội đồng tuyển sinh các học viện, nhà trường trong quân đội đúng thời gian quy định. Kết quả có 29/255 thí sinh trúng tuyển vào các học viện nhà trường Quân đội, đạt 11, 37% (cao hơn năm 2017 là 2,69%).

3. Kết quả phối hợp giữa lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng giữ gìn ANCT-TTATXH

- Định kỳ 03 lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng tỉnh tổ chức hội nghị giao ban, trao đổi thông tin về tình hình ANCT-TTATXH thực hiện quy chế phối hợp theo Nghị định số 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, kịp thời xử lý các tình huống có thể xảy ra, bảo vệ an toàn cao điểm lễ, tết, các sự kiện chính trị của đất nước của tỉnh, không để bị động bất ngờ. Trong đó nổi bật là sự phối hợp chặc chẽ, xử lý giải quyết việc tuyền truyền, xuyên tạc, kích động, lôi kéo người dân tụ tập, biểu tình, tuần hành gây mất an ninh trật tự ở Tây Ninh đối với dự thảo Luật đơn vị hành chính, Khu kinh tế đặc biệt Vân Đồn, Bắc Vân Phong, Phú Quốc (cao điểm từ ngày 10/6 đến ngày 13/6/2018).

- Các địa phương thường xuyên tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm các chỉ thị, mệnh lệnh của trên về công tác SSCĐ; công tác phối hợp giữa lực lượng DQTV, Công an, Biên phòng, Kiểm lâm tuần tra, truy quét được 13.409 cuộc với 46.417 lượt đồng chí tham gia, kết quả giải quyết 1.789 vụ việc, tạm giữ 1.473 đối tượng, thu giữ nhiều loại hàng hóa trái phép trị giá trên 1,6 tỷ đồng, chuyển giao cho ngành chức năng xử lý, đặc biệt nổi lên ngày 10/01/2018, 02 đ/c DQTT xã Lợi Thuận/Bến Cầu trên đường tuần tra phát hiện 01 đối tượng nghi vấn, phối hợp với Tổ công tác Chốt Nam Hiệp Thành thuộc Đồn Biên phòng Mộc Bài bắt giữ và khám xét người đối tượng thu được 01 bịch ma túy tổng hợp khoảng 03kg; ngày 02/7/2018, DQTT xã Tân Đông/Tân Châu phối hợp với lực lượng Đồn Biên phòng Kà Tum phát hiện và bắt giữ 02 đối tượng vận chuyển 01gram ma túy đá; vào lúc 09h00 ngày 03/8/2018 Chốt Dân quân Gò Da/xã Long Thuận/huyện Bến Cầu phối hợp với Đài quan sát Phòng không 21K7-2/8367 phát hiện 01 chiếc máy bay trực thăng màu xanh không rõ kiểu loại, cất cánh tại Thành phố Ba Vét 2, tỉnh Svây Riêng bay dọc Biên giới Việt Nam-Campuchia về Thành phố Phnôm Pênh/Campuchia qua khu vực cột mốc 162 thuộc địa bàn xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xâm phạm không phận Việt Nam khoảng 500m; ngày 02/9/2018, DQTT Chốt Ngã Dân Sinh/Tân Bình/Tân Biên phối hợp với lực lượng Công an xã tổ chức tuần tra, khi qua địa bàn Cầu Tân Nam, xã Tân Bình phát hiện 03 đối tượng vận chuyển xe phân phối lớn trái phép từ Campuchia về Việt Nam đã tổ chức truy đuổi và bắt được các đối tượng cùng tang vật là 02 xe mô tô; tham gia điều tiết giao thông 4403 lần/1.358 lượt, góp phần giữ gìn ANCT-TTATXH trên địa bàn.

4. Kết quả công tác phòng chống thiên tai, cháy nổ, cháy rừng, sự cố và tìm kiếm cứu nạn

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương. Củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; tổ chức điều chỉnh hệ thống văn kiện; triển khai các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường quản lý bảo đảm an toàn công trình thủy lợi; chủ động phòng chống thiên tai, cháy nổ, cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn có hiệu quả, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra. Trong năm trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ thiên tai do mưa dông làm hư hỏng 92 căn nhà, ước giá trị thiệt hại 750 triệu đồng; 07 vụ hỏa hoạn ước thiệt hại trên 1,9 tỷ đồng... Đã huy động được 123 đ/c cán bộ, chiến sỹ của 03 lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng cùng nhân dân khắc phục hậu

quả thiên tai, hỏa hoạn trên địa bàn, góp phần bảo đảm ổn định đời sống cho nhân dân.

5. Quản lý đất quốc phòng và ngân sách bảo đảm cho công tác QPĐP; xây dựng cơ bản; bảo đảm xăng dầu; mua sắm phương tiện

- Công tác quản lý đất quốc phòng được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, quản lý sử dụng đúng mục đích không có trường hợp bị lấn chiếm hay tranh chấp.

- Các công trình phòng thủ, các điểm tựa, cụm điểm tựa, chốt Dân quân biên giới được duy tu, bảo dưỡng, quản lý và thường xuyên kiểm tra chặt chẽ; xây dựng 05 chốt dân quân của 5 huyện biên giới, 02 sở chỉ huy thống nhất huyện Hòa Thành, Bến Cầu với kinh phí là 10,8 tỷ đồng.

- Ngân sách địa phương bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho nhiệm vụ QS, công tác QPĐP và hoạt động SSCĐ của LLVT từ đầu năm đến nay với tổng số tiền 39,059 tỷ đồng (cấp tỉnh: 24,207 tỷ đồng; cấp huyện: 14,852 tỷ đồng).

- Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm đầu tư xây dựng, sửa chữa 84 hạng mục công trình cho LLVT tỉnh, tổng kinh phí: 56,3 tỷ đồng, cụ thể: **Cấp tỉnh:** 39 hạng mục công trình, kinh phí 29,8 tỷ đồng, **Cấp huyện, Thành Phố, Trung đoàn, Trường Quân sự:** 31 hạng mục công trình với kinh phí 14,362 tỷ đồng. **Cấp xã:** 14 hạng mục công trình, kinh phí: 12,153 tỷ đồng. Quản lý tốt đất Quốc phòng đúng quy định, không để xảy ra tranh chấp, lấn chiếm. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xin cấp GCNQSDĐ Công ty TNHH MTV 22/12 và tham mưu UBND tỉnh ban hành thông báo thu hồi đất 50 ha của Trung đoàn Bộ binh 174.

- Hỗ trợ ngân sách địa phương mua xăng, dầu cho thực hiện nhiệm vụ QS-QP, quốc phòng địa phương với kinh phí trên 1,5 tỷ đồng.

6. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu các đề tài khoa học ứng dụng vào hoạt động quân sự, quốc phòng và an ninh

Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ theo Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2016- 2021 và những năm tiếp theo. Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học quân sự; vận hành quản lý, khai thác thông tin mạng, sử dụng hệ thống thông tin trong Khu vực phòng thủ; Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với mô hình cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về Khoa học công nghệ.

7. Công tác phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng địa phương

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định 75/2012/NĐ-CP; Nghị định 76/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo; Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-TTCP-NHNN ngày 25/11/2015 của Thanh tra Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước về hướng dẫn việc phong tỏa tài khoản của đối tượng thanh tra.

- Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh tiếp và làm việc với Đoàn Thanh tra Quân khu thanh tra kết quả thực hiện Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ đối với huyện Tân Châu; tổ chức thanh tra UBND huyện Tân Biên, Dương Minh Châu về kết quả triển khai thực hiện công tác quốc phòng địa phương theo Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ; kiểm tra các địa phương thực hiện nhiệm vụ QS-QP, công tác QPĐP, DQTV, GDQP&AN quý, 6 tháng đầu năm 2018.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt mạnh

- Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng.

- Nắm chắc địa bàn kịp thời giải quyết tốt các vụ việc xảy ra không để tạo thành điểm nóng. Đặc biệt là đã kịp thời ngăn chặn lực lượng công nhân tuần hành vào tháng 06/2018 không để xảy ra điểm nóng.

- Từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp chỉ đạo, điều hành, nâng cao chất lượng quản lý Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội với QP-AN trong KVPT và đối ngoại.

- Kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng khá; các hoạt động văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, giải quyết việc làm luôn được các cấp, các ngành quan tâm, góp phần đem lại hiệu quả thiết thực, cải thiện đời sống nhân dân.

- 03 lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng đã chủ động phối hợp chặt chẽ các sở, ngành thực hiện tốt nhiệm vụ SSCĐ, nắm chắc diễn biến tình hình, chủ động đối phó xử lý kịp thời mọi tình huống, giữ vững ổn định ANCT-TTATXH trên địa bàn.

- Các Ban Chỉ đạo, Hội đồng các cấp đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công đảm nhiệm.

- Tổ chức giao quân năm 2018 đạt chỉ tiêu 03 cấp, tỷ lệ đảng viên đạt 4,31% (tăng 1,56% so với năm 2017); trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học đạt 13,12% (tăng 0,87% so với năm 2017); có 0,72% công dân đang công tác tại cơ quan nhà nước nhập ngũ. Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh kết hợp với Sở GD-ĐT xây dựng phần mềm quản lý trình độ học vấn của công dân trong độ tuổi nhập ngũ để thuận tiện cho việc xét duyệt tiêu chuẩn.

- Công tác đối ngoại được triển khai thực hiện chặt chẽ, đồng bộ góp phần giữ vững Biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển.

- Bảo đảm đầy đủ kinh phí hoạt động cho nhiệm vụ QS-QPĐP, xây dựng kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư đúng mức, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức, LLVT và quần chúng nhân dân trên địa bàn.

2. Mặt tồn tại

- Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội chậm được kéo giảm; thực hiện Chương

trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới còn chậm; tình hình khiếu kiện của người dân và đình công của công nhân chưa được giải quyết dứt điểm.

- Một số cơ quan chức năng thực hiện công tác nắm, dự báo tình hình có lúc chưa kịp thời; công tác phát triển đảng viên trong dân quân, dự bị động viên chưa đạt chỉ tiêu so với kế hoạch.

3. Nguyên nhân

a) Mạnh

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác quốc phòng địa phương; đồng thời triển khai đầy đủ các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả về phát triển kinh tế- xã hội gắn với QP-AN trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, cơ quan Quân sự, Biên phòng, Công an và các ban, ngành, đoàn thể làm tham mưu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

- Sự đoàn kết thống nhất của cả hệ thống chính trị; cùng với sự nỗ lực phấn đấu, tích cực chủ động, sáng tạo, năng động của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ QS-QPĐP.

b) Hạn chế

- Một số ban, ngành, đoàn thể thực hiện công tác phối hợp, tham mưu đề xuất cho cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện nhiệm vụ QS-QPĐP có lúc chưa kịp thời.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác QPĐP ở một số địa phương tuy có thường xuyên nhưng chưa chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

- Tình hình thế giới, khu vực có thể biến động, khó lường. Các thế lực thù địch tăng cường thực hiện "DBHB", bạo loạn lật đổ; lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền,...để kích động chống phá Đảng và Nhà nước.

- Tình hình Campuchia sau bầu cử Quốc hội khóa VI cơ bản ổn định. Tuy nhiên các nước lớn tăng cường tranh giành ảnh hưởng, can thiệp chi phối chính trường Campuchia; Các đảng phái đối lập với đảng nhân dân tiếp tục lợi dụng vấn đề việt kiều, các dự án kinh tế do các công ty Việt Nam đầu tư, kích động, tuyên truyền xuyên tạc mối quan hệ truyền thống giữa hai nước... Các tổ chức phản động lưu vong có thể lợi dụng địa bàn Campuchia để đưa người, phương tiện xâm nhập về Việt Nam tiến hành các hoạt động chống phá....

- Tình hình thời tiết, khí hậu, dịch bệnh có thể diễn biến phức tạp; tai nạn giao thông, tình hình đình công của công nhân ở các công ty, xí nghiệp có thể xảy ra; tình hình khiếu kiện của người dân liên quan đến đất đai vẫn còn những tiềm ẩn phức tạp; giá cả một số mặt hàng thiết yếu có thể tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân và nhiệm vụ công tác QPĐP.

V. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QPĐP NĂM 2019

1. Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác QPĐP năm 2019; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lúi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về Đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Đề án xây dựng KVPT tỉnh giai đoạn 2017- 2021 và những năm tiếp theo; Đề án xây dựng lực lượng QBTS giai đoạn 2017- 2021; Đề án xây dựng chốt dân quân giai đoạn 2017- 2020; Kế hoạch tổ chức xây dựng DQTV; Kế hoạch xây dựng Ban CHQS xã, phường, thị trấn VMTD; Kế hoạch diễn tập KVPT tỉnh, huyện và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch mua sắm, trang bị công cụ hỗ trợ cho DQTV giai đoạn 2018-2022.

3. Thực hiện tốt công tác chế độ chính sách, an sinh xã hội; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; chủ động phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công tác tuyên truyền các hoạt động văn hóa-văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn.

4. Tổ chức kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng các cấp năm 2019; Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án *"Bố trí, sắp xếp ổn định 03 khu Dân cư biên giới phía Bắc của tỉnh";* xây dựng công trình chuyển tiếp năm 2018, tham gia xây dựng cụm điểm tựa Mộc Bài/Bến Cầu và Nam Suối Nước Trong/Tân Châu; quy hoạch, lập dự án cụm điểm tựa Mộc Bài 2/Bến Cầu, triển khai xây dựng theo đề án của Quân khu.

5. Tiếp tục thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng; đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ Quân tình nguyện Việt Nam hy sinh ở Campuchia giai đoạn XVII và trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức luyện tập CH-CQ 1 bên 1 cấp, cấp tỉnh, huyện, thành phố trên bản đồ; chỉ đạo huyện Tân Châu, huyện Dương Minh Châu diễn tập KVPT. Các huyện, thành phố tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 25% xã, phường, thị trấn.

7. Chỉ đạo LLVT tỉnh duy trì nghiêm chế độ SSCĐ ở các cấp; tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra nắm chắc diễn biến tình hình trên biên giới, ANCT – TTATXH trên địa bàn, phối hợp giải quyết các vụ việc theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP; Nghị định số 133/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Tích cực phòng chống thiên tai, cháy nổ, cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; Rà soát các phương án, khu vực có khả năng chịu tác động của mưa bão điều chỉnh kế hoạch phù hợp, sát thực tế đảm bảo xử lý kịp thời các tình huống xảy ra.

8. Chỉ đạo Bộ CHQS tỉnh thực hiện tốt công tác xây dựng Bộ đội thường trực, lực lượng DBĐV, DQTV đúng chỉ tiêu theo quy định. Tiếp tục đào tào TCCN ngành QSCS (khóa V) giai đoạn 2017-2019.

9. Chỉ đạo các địa phương chú trọng công tác phát triển đảng viên trong Dân quân, dự bị động viên; nâng tỷ lệ chi bộ quân sự có cấp ủy để đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết và kế hoạch đề ra; bảo đảm tốt các chế độ, chính sách cho thực hiện công tác QPĐP.

10. Chỉ đạo Hội đồng GDQP&AN các cấp tổ chức giáo dục, bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng theo phân cấp hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.

11. Thực hiện tốt công tác đối ngoại; giao lưu kết nghĩa với các tỉnh Campuchia; trao đổi, nắm chắc tình hình phối hợp xử lý kịp thời các vụ việc, các tình huống để xảy ra "điểm nóng" trên tuyến biên giới; bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, không để bị động bất ngờ.

12. Tổ chức hội nghị tổng kết công tác quốc phòng địa phương; công tác GDQP&AN năm 2018.

13. Tổ chức thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác QPĐP theo Nghị định 119/2004/NĐ-CP của Chính phủ đối với huyện Châu Thành, Hòa Thành; Thanh tra chấp hành chính sách pháp luật về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với huyện Trảng Bàng./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư lệnh QK7;
- TT Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VP, VPUBND tỉnh;

Hiệu 10 BC

15

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Chiến

Phụ lục I
CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC QPĐP, DQTV, GDQP&AN NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo số 965 /BC-UBND, ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung
1	12-CT/TU	10/01/2018	Tỉnh ủy	Chỉ thị về việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng năm 2018.
2	3603-CT/TU	08/3/2018	Tỉnh ủy	Quyết định về việc cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN đối tượng 2 (khóa 91) năm 2018.
3	3741-CT/TU	23/4/2018	Tỉnh ủy	Quyết định về việc cử 7 đ/c cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN đối tượng 2 (khóa 91) năm 2018.
4	1173-QĐ/TU	19/6/2018	Tỉnh ủy	Quyết định cử 07 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN (khóa 93) thuộc đối tượng 2 do Quân khu tổ chức.
5	4082-QĐ/TU	20/7/2018	Tỉnh ủy	Quyết định cử 13 cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN (khóa 94) thuộc đối tượng 2 do Quân khu tổ chức.
6	03/CT-UBND	29/01/2018	UBND tỉnh	Chỉ thị về chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác QPĐP năm 2018.
7	420/KH-UBND	23/02/2018	UBND tỉnh	Kế hoạch về tổ chức tổng kết công tác quốc phòng địa phương, giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2017.
8	446/QĐ-UBND	12/02/2018	UBND tỉnh	Quyết định kiện toàn Hội đồng GDQP&AN tỉnh.
9	446/QĐ-UBND	12/02/2018	UBND tỉnh	Quyết định kiện toàn Tổ Giáo viên, Báo cáo viên GDQP&AN năm 2018
10	629/KH-UBND	20/3/2018	UBND tỉnh	Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 83 năm ngày truyền thống DQTV Việt Nam (28/3/2018-28/3/2018).

TT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung
11	882/QĐ-UBND	02/4/2018	UBND tỉnh	Quyết định thay đổi thành viên Hội đồng GDQP&AN tỉnh năm 2018
12	1031/UBND-NC	04/5/2018	UBND tỉnh	Công văn về việc đồng ý thay đổi doanh nghiệp thành lập đơn vị tự vệ có yếu tố nước ngoài trên địa bàn Khu Liên hợp Phước Đông/Gò Dầu.
13	1874/QĐ-UBND	26/7/2018	UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho cán bộ thuộc đối tượng 3 năm 2019.
14	374/KH-HĐ.GDQP&AN	12/02/2018	HĐ.GDQP&AN tỉnh	Kế hoạch thực hiện công tác GDQP&AN năm 2018.
15	373/KH-HĐ.GDQP&AN	12/02/2018	HĐ.GDQP&AN tỉnh	Kế hoạch kiểm tra công tác GDQP&AN năm 2018.
16	50/KH-HĐ.GDQP&AN	03/4/2018	HĐ.GDQP&AN tỉnh	Kế hoạch cấp phát súng tiểu liên AK cấp 5 đã được hoán cải, vô hiệu hóa; Tủ đựng súng; Thiết bị bắn tập kèm máy tính chuyên dùng phục vụ môn học GDQP&AN.
17	90/TB-HĐ.GDQP&AN	30/5/2018	HĐ.GDQP&AN tỉnh	Thông báo triệu tập cán bộ, đảng viên thuộc đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN (khóa 58) năm 2018.
18	90/TB-HĐGDQP&AN	30/5/2018	HĐ. GDQP&AN	Thông báo triệu tập cán bộ, đảng viên thuộc đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN khóa 58, năm 2018
19	103/TB-ĐGDQP&AN	14/6/2018	HĐ. GDQP&AN	Thông báo triệu tập cán bộ, đảng viên thuộc đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức QP&AN khóa 59, năm 2018
20	103/HĐGDQP&AN	17/6/2018	HĐ. GDQP&AN	Công văn về việc báo cáo số lượng cán bộ, đảng viên thuộc đối tượng 3 chưa bồi dưỡng kiến thức QP&AN
21	130/KH-HĐ.GDQP&AN	17/7/2018	HĐ. GDQP&AN	Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho đối tượng 3 năm 2019
22	156/HĐ.GDQP&AN	24/8/2018	HĐ. GDQP&AN	Công văn về việc thông báo thành phần dự họp Hội đồng GDQP&AN

TT	Số văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Trích yếu nội dung
				Quân khu.
23	163/HĐ.GDQP&AN	30/8/2018	HĐ. GDQP&AN	Công văn về việc triển khai tuyên truyền GDQP&AN cho cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh.
24	54/BCĐ-ĐT	10/4/2018	Ban Chỉ đạo đào tạo tỉnh	Công văn về việc mua bảo hiểm y tế cho học viên lớp đào tạo TCCN ngành QSCS (khóa V) giai đoạn 2017-2019
25	62/BC-BCĐ	23/4/2018	Ban Chỉ đạo đào tạo tỉnh	Báo cáo kết quả đào tạo cán bộ Ban CHQS xã, phường, thị trấn trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học ngành QSCS
26	168/HĐGDQP&AN	10/9/2018	Hội đồng GDQP&AN tỉnh	Công văn về việc triển khai hướng dẫn thông báo tình hình, triển khai tuyên truyền GDQP&AN cho nhân dân trong tình hình mới
27	2345/QĐ-UBND	20/9/2018	UBND tỉnh	Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng GDQP&AN tỉnh
28	179/HĐGDQP&AN	20/9/2018	Hội đồng GDQP&AN tỉnh	Công văn về việc thông báo thành phần tham gia lớp bồi dưỡng KTQP&AN cho chức sắc các tôn giáo do Quân khu tổ chức năm 2018
29	2553/KH-UBND	17/10/2018	UBND tỉnh	Kế hoạch tổ chức hội nghị sơ kết công tác tổ chức, xây dựng, kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực hoạt động của Ban CHQS, đơn vị tự vệ các cơ quan, tổ chức và các chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới

Phụ lục II

SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

ĐỊA PHƯƠNG	Tân Châu	Tân Biên	Châu Thành	Bến Cầu	Trảng Bàng	Gò Dầu	DMC	Hòa Thành	TpTN	Toàn tỉnh
Dân số	125.687	97.131	134.703	65.160	157.727	141.866	107.991	143.928	130.044	**1.104.237**
Cán bộ-CNV	1.545	1.291	1.702	968	1.608	1.494	1.428	1.535	1.522	**13.093**
Tổng số DQTV	1.991	1.753	2.216	1.519	1.822	1.648	1.673	1.405	2.587	**16.614**
% so dân số	1,58	1,80	1,65	2,33	1,16	1,16	1,55	0,98	1,99	**1,50**
So với năm 2017										
Trong đó Dân quân	1.743	1.480	2.032	1.328	1.649	1.369	1.491	1.182	1.413	**13.687**
Trong đó Tự vệ	248	273	184	191	173	279	182	223	1.174	**2.927**
Đảng viên	273	344	453	244	280	346	336	339	815	**3.430**
% so DQTV	13,71	19,62	20,44	16,06	15,37	21,00	20,08	24,13	31,50	**20,65**
So với năm 2017										
Đảng viên trong DQ	175	242	359	140	232	231	264	218	227	**2.088**
% so Tổng số DQ	10,04	16,35	17,67	10,54	14,07	16,87	17,71	18,44	16,07	**15,26**
So với năm 2017										
Đoàn viên	1.016	1.156	1.373	818	996	784	1.071	971	1.430	**9.615**
% so DQTV	51,03	65,94	61,96	53,85	54,67	47,57	64,02	69,11	55,28	**57,87**
So với năm 2017										
Quân nhân XN	115	65	156	70	92	26	113	143	156	**936**
% so DQTV	5,78	3,71	7,04	4,61	5,05	1,58	6,75	10,18	6,03	**5,63**
So với năm 2017										
Nữ	168	119	273	45	102	78	152	301	233	**1.471**
% so DQTV	8,44	6,79	12,32	2,96	5,60	4,73	9,09	21,42	9,01	**8,85**
So với năm 2017										

Phụ lục III

THÀNH PHẦN LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ VÀ VŨ KHÍ TRANG BỊ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

NỘI DUNG	Tân Châu	Tân Biên	Châu Thành	Bến Cầu	Trảng Bàng	Gò Dầu	DMC	Hòa Thành	TpTN	Toàn tỉnh
Tổng số DQTV	**1.991**	**1.753**	**2.216**	**1.519**	**1.822**	**1.648**	**1.673**	**1.405**	**2.587**	**16.614**
DQ thường	289	248	362	270	227	165	207	199	208	**2.175**
% so DQTV	14,52	14,15	16,34	17,77	12,46	10,01	12,37	14,16	8,04	**13,09**
Cơ động	469	438	562	376	407	376	438	345	407	**3.818**
% so DQTV	23,56	24,99	25,36	24,75	22,34	22,82	26,18	24,56	15,73	**22,98**
Tại chỗ	757	608	709	467	740	648	543	474	1485	**6.431**
% so DQTV	38,02	34,68	31,99	30,74	40,61	39,32	32,46	33,74	57,40	**38,71**
BC Chiến đấu	126	157	161	137	122	181	159	133	185	**1.361**
% so DQTV	6,33	8,96	7,27	9,02	6,70	10,98	9,50	9,47	7,15	**8,19**
BC Bảo đảm	350	302	422	269	326	278	326	254	302	**2.829**
% so DQTV	17,58	17,23	19,04	17,71	17,89	16,87	19,49	18,08	11,67	**17,03**
Tổng số súng	191	187	263	167	137	93	125	117	139	**1.419**
% so DQTV	9,59	10,67	11,87	10,99	7,52	5,64	7,47	8,33	5,37	**8,54**
Biên chế:										
Tiểu đoàn										
Đại đội	1	2	1	1	1	2	1	1	2	**12**
Trung đội	32	27	38	26	26	26	28	25	42	**270**
Tiểu đội	88	76	85	58	94	72	68	54	115	**710**
Khẩu đội	12	10	15	9	11	9	11	8	10	**95**
Tổ	96	80	120	69	88	72	88	64	80	**757**

Phụ lục IV

SỐ, CHẤT LƯỢNG DÂN QUÂN XÃ BIÊN GIỚI NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ XÃ	DÂN SỐ	TỔNG DÂN QUÂN TỰ VỆ	% SO DÂN SỐ	CHẤT LƯỢNG			LL. CƠ ĐỘNG			DQ TT	TẠI CHỖ	BC CĐ	BC BĐ	VŨ KHÍ TRANG BỊ
					ĐẢNG	ĐOÀN	QN XN	QS	a	b					
Tân Châu	4	42.794	564	1,32	56	338	26	124		4	134	162	48	96	94
Tân Biên	3	22.696	358	1,58	59	292	28	93		3	103	78	12	72	96
Châu Thành	6	40.675	770	1,89	146	425	25	186		6	186	198	56	144	150
Bến Cầu	5	35.532	669	1,88	55	376	39	155		5	155	150	98	111	104
Trảng Bàng	2	19.699	305	1,55	41	214	12	62		2	62	102	31	48	44
Toàn tỉnh	**20**	**161.396**	**2.666**	**1,65**	**357**	**1.645**	**130**	**620**		**20**	**640**	**690**	**245**	**471**	**488**

Phụ lục VI

THÀNH LẬP ĐƠN VỊ TỰ VỆ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP; ĐƠN VỊ TỰ VỆ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Tự vệ doanh nghiệp không có yếu tố nước ngoài (Biên chế, quân số)		Tự vệ doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài (Biên chế, quân số)		Tổ chức Đảng	Ngày, tháng thành lập
		a	b	a	b		
I	**Huyện Tân Châu**		1b (31 đ/c)				
II	**Huyện Dương Minh Châu**						
	Công ty TNHH Pou Hung Việt Nam				1b (31 đ/c)	Chi bộ	Ngày 05/3/2018
III	**Huyện Gò Dầu**						
	Công ty TNHH PouLi Việt Nam				1b (31 đ/c)	Không có tổ chức Đảng	Ngày 23/5/2018
IV	**Huyện Hòa Thành**	2a (20 đ/c)					
V	**Thành phố Tây Ninh**	19a (190 đ/c)	2b(62 đ/c)			100% có Chi bộ	
	Toàn tỉnh	**21a (210 đ/c)**	**5b (155 đ/c)**		**2b (62 đ/c)**		

Phụ lục V

KẾT QUẢ XÂY DỰNG CHỐT CHIẾN ĐẤU DQTT BIÊN GIỚI

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30 /11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng diện tích (m^2)	Công trình chiến đấu				Công trình phổ thông					Diện tích đất TGSX (m^2)	Kinh phí xây dựng (Triệu đồng)	
			Kiên cố (Bê tông cốt thép)	Kết hợp kiên cố với gỗ đất	Gỗ, đất	Năm xây dựng	Nhà ở (m^2)	Nhà ăn (m^2)	Nhà vệ sinh (m^2)	Khu TDTT	Năm xây dựng		Quốc phòng	Địa phương
I	**TÂN CHÂU**													
1	Chốt Cầu Sài Gòn 1	1.000	x			2013	58	20	10		2002	5.000		1000
2	Chốt Cầu Sài Gòn 2	1.000			x	2009	49	45,5	24		2006			122
3	Chốt Suối Tre	2.000	x			2017	170	36	15		2002	80.000	600	1500
4	Chốt Đông Hà (Chà Rì)	3.000	x			2009	162	42	5,8		2014	4.000	880	1000
5	Chốt Mít Mọi	7.000	x			2016	42	18	10		2014	2.000		4600
II	**TÂN BIÊN**													
1	Chốt Đập Đá	11.198			x	2012	40	20	6		2006	2.000		350
2	Chốt Cầu Ván	2.792			x	2009	44	36			2001			350
3	Chốt Cầu Cứ 24	500	x			2017	28	30	12	200	2013		600	1500
4	Chốt Trảng Dầu	500			x	2010	40	20			2006			90
5	Chốt Cua Số 5	623			x	2009	70	57			1997	1.500		90
6	Chốt Cây Me	5.600	x			2013	100	20			2013	4.000		135
7	Chốt Ngã Ba Dân Sinh	500	x			2013	100	20			2014			135
8	Chốt Cây Cầy	500	x			2018	30	20			2004			135
III	**CHÂU THÀNH**													
1	Chốt Đồi Thơ	17.620	x			2017	55	24	10		1995	100	550	389
2	Chốt Cây Da	4.095	x			2013	105	15	8		2002	2.000		389
3	Chốt Cây Mít Trụ	4.760	x			2018	90	18	6		2002	2.000		389

4	Chốt Tân Định	10.100	x			2018	44	8	8		2008	100		389
5	Chốt Tân Long	7.040	x			2014	100	18	6		2014	200		389
6	Chốt Bố Lớn	2.280			x	2009	132	15	3		1998	5.000		178
7	Chốt Thành Tân	16.560			x	2009	49,2	24	12		2000			178
8	Chốt Thành Nam	1.476			x	2009	44	24	12		2000	700		169
9	Chốt Bến Cừ	3.500			x	2009	44	24	6		2008	1.000		80
IV	**BẾN CẦU**													
1	Chốt Bàu Năng	10.688	x			2018	80	38,88			2002	10.571		1000
2	Chốt Long Hưng (Cây Me)	6.814	x			2018	80	15			1999			700
3	Chốt Gò Da	7.000	x			2018	80	15	12		2007	5.000		1200
4	Chốt Cầu Trắng	4.800			x	2012	96	22,79	4,7		2012	4.000		182
V	**TRẢNG BÀNG**													
1	Chốt Cầu Ông Sải	802			x	2009	65	455	20		2008	178		350
2	Chốt Phước Mỹ (A8)	2.790	x			2018	390	40	20		2008	2.400		400
VI	**DỰ KIẾN XÂY VÀ DI DỜI VỊ TRÍ MỚI**													
1	Cầu Suối Đá/Tân Châu	10.000												
2	Bàu Sen/Tân Châu	10.000												
3	Thành Tân/Châu Thành (di dời vi trí mới)	10.000												
4	Gò Ngãi/Bến Cầu	chưa có												
	Tổng cộng		**17**		**11**								**2630**	**17.389**

Phụ lục VII

SỐ CHẤT, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20./11/2018 của UBND tỉnh)

ĐƠN VỊ	Tổng số xã, phường, thị trấn	Chỉ huy trưởng						Chính trị viên			Chỉ huy phó							Chính trị viên phó			Ban CHQS	
		Tổng số	Dân tộc	Đảng viên	Cấp ủy	QN XN	Qua đào tạo	Tổng số	Nữ	QN XN	Tổng số	Dân tộc	Đảng viên	Cấp ủy	Đoàn QC	QN XN	Qua đào tạo	Tổng số	Nữ	QN XN	Bộ 5	Bộ 4
Tân Châu	12	12	Kinh	12	12	9	12	12	2	4	17	Kinh	17			6	15	12	6	4	12	
Tân Biên	10	10	Kinh	10	10	4	10	10	4	1	20	Kinh	19			14	13	10	4	1	10	
Châu Thành	15	15	Kinh	15	14	9	15	15	2		29	Kinh	29			16	28	15	6	2	15	
Bến Cầu	9	9	Kinh	9	9	4	9	9	3	2	15	Kinh	15			8	12	9	3	2	9	
Trảng Bàng	11	11	Kinh	11	11	8	11	11	2		22	Kinh	22			8	17	11	5		11	
Gò Dầu	9	9	Kinh	9	9	7	9	9	1		16	Kinh	16			3	6	9	3		9	
DMC	11	11	Kinh	11	10	6	11	11	3	1	22	Kinh	22			4	20	11	5	1	11	
Hòa Thành	8	8	Kinh	8	8	1	8	8		1	16	Kinh	16			6	7	8	1		8	
TpTN	10	10	Kinh	10	9	5	10	10	4	2	20	Kinh	19	1		7	19	10	5		10	0
Toàn tỉnh	**95**	**95**		**95**	**92**	**53**	**95**	**95**	**21**	**11**	**177**		**175**	**1**		**72**	**137**	**95**	**38**	**10**	**95**	

*** Ghi chú:**

- Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã tham gia cấp uỷ đạt 96,84%.

Phụ lục VIII

KẾT QUẢ XÂY DỰNG BAN CHQS CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30./11/2018 của UBND tỉnh)

Địa Phương	Bộ CHQS cấp tỉnh					Ban CHQS cấp huyện				Ban CHQS đơn vị thành viên thuộc Bộ, ngành, Trung ương			
	Đã thành lập	Ban CHQS khối Đảng	Ban CHQS khối chính quyền	Ban CHQS khối doanh nghiệp	Ban CHQS khối mặt trận Đoàn thể, trường học	Ban CHQS khối Đảng	Ban CHQS khối chính quyền	Ban CHQS khối doanh nghiệp và đoàn thể	Tổng số Ban CHQS đã thành lập	Tổng số CQ-TC	Không đủ điều kiện thành lập	Đủ điều kiện thành lập	Tổng số Ban CHQS đã thành lập
Tân Châu	1			1		1	1		2	1			1
Tân Biên	3		3			1	1		2				
Châu Thành	1		1			1	1		2				
Bến Cầu						1	1	1	3				
Trảng Bàng						1	1	1	3				
Gò Dầu						1	1		2	1			1
DMC						1	1	1	3	1			1
Hòa Thành	3	1		2		1	1	1	3				
TpTN	50	6	30	13	1	1	1	1	3	17			17
Toàn tỉnh	**58**	**7**	**34**	**16**	**1**	**9**	**9**	**5**	**23**	**20**			**20**

Phụ lục IX

XÂY DỰNG CHI BỘ QUÂN SỰ, XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30./11/2018 của UBND tỉnh)

ĐỊA PHƯƠNG	Tân Châu	Tân Biên	Châu Thành	Bến Cầu	Trảng Bàng	Gò Dầu	DMC	Hòa Thành	TpTN	Toàn tỉnh
Tổng số xã, phường, TT	12	10	15	9	11	9	11	8	10	**95**
Chi bộ quân sự	12	10	15	9	11	9	11	8	10	**95**
Chi bộ Quân sự có cấp ủy	3	5	8	4	1	5	7	7	9	**49**
Đạt % so tổng số CBQS	25	50	53,33	44,44	9,09	55,56	63,64	87,5	90	**51,58**

Phụ lục X

KẾT QUẢ XÂY DỰNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC BAN CHQS XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20./11/2018 của UBND tỉnh)

Đồng

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Tổng số					Xây dựng mới			% trụ sở làm việc riêng
		Tổng số	Đã xây dựng trụ sở làm việc riêng	Trụ sở làm việc riêng ngoài khuôn viên	Trụ sở làm việc trong khuôn viên	Còn lại chưa xây dựng	Xây mới	Sửa chữa nâng cấp	Số tiền (triệu đồng)	
1	Tân Châu	12	12	2	10			1	550.000	100
2	Tân Biên	10	10	8	2					100
3	Châu Thành	15	15	15						100
4	Bến Cầu	9	9	9			2		4.450.000	100
5	Trảng Bàng	11	11	4	7					100
6	Gò Dầu	9	9	9						100
7	DMC	11	11	1	10		1	4	2.900.000	100
8	Hòa Thành	8	8	8				3	1.155.000	100
9	TpTN	10	10	1	9			1	150.000	100
Toàn tỉnh		**95**	**95**	**57**	**38**		**3**	**9**	**9.205.000**	**100**

Ghi chú: Năm 2018 cấp ủy, chính quyền xây dựng, sửa chữa Ban CHQS cấp xã với số tiền trên 9,205 tỷ đồng.

Phụ lục XI

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH QUÂN SỰ CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đã đào tạo							Tổng	Sử dụng sau đào tạo							Đang đào tạo
		Khóa I/2004-2005 (Quân số)	Khóa II/2006-2007 (Quân số)	Khóa III/2009-2011 (Quân số)	Khóa IV/2013-2015 (Quân số)	Khóa .../201 (Quân số)	Khóa .../201 (Quân số)	Khóa .../201 (Quân số)		CHT	CHP	BT, P.BT cấp xã	CT, P.CT, VP UBND cấp xã	HĐND cấp xã	Khác	Nghỉ việc	Khóa V/2017-2019 Quân số
1	Tân Châu	13	20	7	19				**59**	10	18	1	6		11	13	14
2	Tân Biên	10	10	9	10				**39**	9	11	1	3	2	4	9	7
3	Châu Thành	16	10	9	23				**58**	13	24		3	3	7	8	4
4	Bến Cầu	9	13	4	9				**35**	9	12		3		8	2	8
5	Trảng Bàng	12	11	5	13				**41**	11	14	2	2		8	4	8
6	Gò Dầu	9	12	8	10				**39**	9	8	1	1		13	7	5
7	DMC	12	13	8	15				**48**	11	13		5	1	7	12	10
8	Hòa Thành	8	11	7	9				**35**	8	13		4		1	9	1
9	TpTN	8	9	8	12				**37**	6	12		1	1	10	7	9
Toàn tỉnh		**97**	**109**	**65**	**120**				**391**	**86**	**125**	**5**	**28**	**7**	**69**	**71**	**66**

Phụ lục XII

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGÀNH QUÂN SỰ CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 14./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đã đào tạo																		Tổng	Sử dụng sau đào tạo						Đang đào tạo	
		Khóa I Năm 2011			Khóa II Năm 2012			Khóa III Năm 2013			Khóa IV Năm 2014			Khóa V Năm 2015			Khóa VI Năm 2016				CHT	CHP	Bí thư, Phó Bí thư cấp xã	CT, P. CT UBND cấp xã	Khác	Nghỉ việc	Khóa VI Năm 2016	
		Chính quy	Liên thông	Quân số	Chính quy	Liên thông	Quân số	Chính quy	Liên thông	Quân số	Chính quy	Liên thông	Quân số	Chính quy	Liên thông	Quân số	Chính quy	Liên thông	Quân số									Chính quy	Cộng
1	Tân Châu	2		2	1	1	2		1	1	2	1	3	4		4		1	1	**13**	4	2			2		4	**4**
2	Tân Biên	2		2		1	1		1	1	1	1	2	3		3		1	1	**10**	2	3		1			2	**2**
3	Châu Thành	1		1	2	2	4	1	1	2		1	1	7		7		1	1	**16**		6			1	2		
4	Bến Cầu					1	1		4	4		2	2	2		2		1	1	**10**		7					4	**4**
5	Trảng Bàng	1		1				1		1		1	1			0			0	**3**		3					4	**4**
6	Gò Dầu					1	1		2	2	1	2	3		2	2		2	2	**10**	3	5					1	**1**
7	DMC					1	1		2	2		1	1	1		1		1	1	**6**	1	4					2	**2**
8	Hòa Thành					1	1		3	3	2		2	2		2			0	**8**	1	5					1	**1**
9	TpTN	2		2					4	4	2	2	4	2		2		2	2	**14**	2	7				1	1	**1**
Toàn tỉnh		**8**		**8**	**3**	**8**	**11**	**2**	**18**	**20**	**8**	**11**	**19**	**21**	**2**	**23**		**9**	**9**	**90**	**13**	**42**		**1**	**3**	**3**	**19**	**19**

Kết quả đào tạo so Đề án 799 của Thủ tướng Chính phủ đạt 38,94%

Phụ lục XIII

THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUÂN SỰ CƠ SỞ

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đã đào tạo																						Tổng	Sử dụng sau đào tạo						Cộng			
		Khóa I Năm 2011				Khóa II Năm 2012				Khóa III Năm 2013				Khóa IV Năm 2014				Khóa V Năm 2015				Khóa VI Năm 2016											Khóa V/2015		Khóa VI/2016	
		Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số	Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số	Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số	Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số	Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số	Chính quy	Dự bị	Liên thông	Quân số		CHT	CHP	Bí thư, Phó Bí thư cấp xã	CT, P. CT UBND cấp xã	Khác	Nghỉ việc	Chính quy	Chính quy	Liên thông	
1	Tân Châu					1			1					1		1	2									3	2						2	2		4
2	Tân Biên					1			1	4		1	5	1			1									7		5					1			1
3	Châu Thành	1			1											1	1									2		2					4			4
4	Bến Cầu													1			1									1								1		1
5	Trảng Bàng																																2	1		3
6	Gò Dầu															1	1									1						1				
7	DMC									1			1	1		1	2							1	1	4	2						1		1	2
8	Hòa Thành					1			1	1			1	1			1									3		2						1		1
9	TpTN													1			1									1							1	1		2
Toàn tỉnh		**1**			**1**	**3**			**3**	**6**		**1**	**7**	**6**		**4**	**10**							**1**	**1**	**22**	**4**	**9**				**1**	**11**	**6**	**1**	**18**

Kết quả đào tạo so Đề án 799 của Thủ tướng Chính phủ đạt 14,03%

Phụ lục XIV

THỐNG KÊ KẾT QUẢ TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20./11/2018 của UBND tỉnh)

ĐỊA PHƯƠNG	Tập huấn cán bộ PXĐ, CHTV, phân đội, binh chủng						Huấn luyện chiến sĩ DQTV												Cộng			Cơ sở đã huấn luyện		
	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cộng		Bộ binh									Binh chủng								
										DQTV tại chỗ			Cộng											
	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	Số lớp	Số người	DQTV năm thứ I	DQTT	DQCĐ	DQ	TV	Cộng	DQ	TV	Cộng	DQ	TV	Cộng	DQ	TV	Cộng	Dân quân	Tự vệ	Cộng
Tân Châu		12	3	246	3	258	145	289	469				903	0	903	198		198	1.101	0	1.101	13		13
Tân Biên		10	3	207	3	217	130	227	407	296	79	375	1.060	79	1.139	86		86	1.146	79	1.225	11	6	17
Châu Thành		15	3	185	3	200	145	341	542	777		777	1.805	0	1.805	256		256	2.061	0	2.061	16		16
Bến Cầu		9	2	119	2	128	115	249	376			0	740	0	740	235		235	975	0	975	10		10
Trảng Bàng		11	3	72	3	83	135	206	341	421	156	577	1.103	156	1.259	308		308	1.411	156	1.567	11	11	22
Gò Dầu		9	1	44	1	53	200	144	376	108	93	201	828	93	921			0	828	93	921	10	6	16
DMC		11	5	390	5	401	197	207	438	351	62	413	1.193	62	1.255	482	71	553	1.675	133	1.808	12	8	20
Hòa Thành		8	1	74	1	82	125	199	425	273		273	1.022	0	1.022	218		218	1.240	0	1.240	9		9
TpTN		10	1	50	1	60	218	208	407	378	290	668	1.211	290	1.501	420	23	443	1.631	313	1.944	11	16	27
Toàn tỉnh	**1**	**95**	**22**	**1.387**	**23**	**1.482**	**1.410**	**2.070**	**3.781**	**2.604**	**680**	**3.284**	**9.865**	**680**	**10.545**	**2.203**	**94**	**2.297**	**12.068**	**774**	**12.842**	**103**	**47**	**150**

Phụ lục XV

THỐNG KÊ KẾT QUẢ KIỂM TRA BẮN ĐẠN THẬT CỦA LỰC LƯỢNG DQTV NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20./11/2018 của UBND tỉnh)

Số liệu tính đến ngày 05/11/2018																	
TT	Đơn vị	DQTV bộ binh										DQTV binh chủng					
		Năm thứ nhất (bài 1b)					Năm thứ 2 đến năm thứ 4 (bài 1)					Cối 60 mm					
		Quân số	Giỏi	Khá	Đạt	Không đạt	Quân số	Giỏi	Khá	Đạt	Không đạt	Quân số	KĐ	b	Giỏi	Khá	Không đạt
1	Tân Châu	145	33	44	50	18	84	13	31	32	8						
2	Tân Biên	130	30	41	42	17	56	7	21	22	6						
3	Châu Thành	145	29	53	44	19	73	13	24	24	12						
4	Bến Cầu	115	31	40	31	13	65	5	28	21	11						
5	Trảng Bàng	135	21	52	43	19	69	11	29	22	7						
6	Gò Dầu	130	20	50	40	20	70	6	25	31	8						
7	DMC	135	66	31	22	16	62	19	22	18	3						
8	Hòa Thành	125	26	43	47	9	66	11	26	21	8						
9	TpTN	140	30	51	40	19	105	11	42	34	18						
Toàn tỉnh		**1200**	**286**	**405**	**359**	**150**	**650**	**96**	**248**	**225**	**81**						

Phụ lục XVI

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HỘI THI, HỘI THAO CỦA LỰC LƯỢNG DQTV NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 29./11/2018 của UBND tỉnh)

Số liệu tính đến ngày 05/11/2018																					
TT	Đơn vị	Tổng cộng		Hội thi								Hội thao									
				Cấp Quân khu		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cộng		Cấp bộ		Cấp Quân khu		Cấp tỉnh		Cấp huyện		Cộng	
		Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số	Số đợt	Quân số
1	Tân Châu	4	165			1	5	2	36	3	41							1	124	1	124
2	Tân Biên	4	136			1	2	2	30	3	32							1	104	1	104
3	Châu Thành	5	305	1	15	1	6	2	45	4	66							1	239	1	239
4	Bến Cầu	4	128			1	3	2	27	3	30							1	98	1	98
5	Trảng Bàng	3	143					2	33	2	33							1	110	1	110
6	Gò Dầu	3	122					2	27	2	27							1	95	1	95
7	DMC	5	371	1	15	1	2	2	33	4	50							1	321	1	321
8	Hòa Thành	3	149					2	24	2	24							1	125	1	125
9	TpTN	3	130					2	30	2	30							1	100	1	100
Toàn tỉnh		**34**	**1649**	**2**	**30**	**5**	**18**	**18**	**285**	**25**	**333**							**9**	**1316**	**9**	**1316**

Phụ lục XVII

THỐNG KÊ KẾT QUẢ LỰC LƯỢNG DQTV THAM GIA DIỄN TẬP PHÒNG THỦ CÁC CẤP NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 19./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Cấp tỉnh							Cấp huyện								Cấp xã								Cộng	
		KVPT	A2	PKND	PCLB, TKCN	PCCC-PCCR	Huy động phương tiện	Quân số	KVPT	A2	PKND	PCLB, TKCN	PCCC-PCCR	Huy động phương tiện	Khác	Quân số	CĐPT	A2	PKND	PCLB, TKCN	PCCC-PCCR	Huy động phương tiện	Khác	Quân số	Số đợt	Quân số
1	Tân Châu																2	1						186	3	186
2	Tân Biên																2	1						124	3	124
3	Châu Thành																4							156	4	156
4	Bến Cầu								1							126	2							104	3	230
5	Trảng Bàng																2	1						112	3	112
6	Gò Dầu																1	1						52	2	52
7	DMC																2	1						105	3	105
8	Hòa Thành																2							96	2	96
9	TpTN										1					81	2	1						362	4	443
Toàn tỉnh									**1**		**1**					**207**	**19**	**6**						**1.297**	**27**	**1.504**

Phụ lục XVIII

THỐNG KÊ KẾT QUẢ LỰC LƯỢNG DQTV THAM GIA DIỄN TẬP CHIẾN THUẬT CÁC CẤP NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh)

Số liệu tính đến ngày 05/11/2018																						
ĐỊA PHƯƠNG	DQTV bộ binh				DQTV binh chủng															Ghi chú (tham gia diễn tập cùng đơn vị BĐCL, BĐĐP	Cộng	
	a	b	c	Quân số	Cối						ĐKZ 82 mm			37-1 mm		12, 7 mm					Số đợt	Quân số
					Cối 60 mm			Cối 82 mm														
					KĐ	b	Quân số	KĐ	b	Quân số	KĐ	b	Quân số	c	Quân số	KĐ	b	Quân số				
Tân Châu					2		8															
Tân Biên																						
Châu Thành					2		8															
Bến Cầu																						
Trảng Bàng					2		8															
Gò Dầu																						
DMC																						
Hòa Thành																						
TpTN																						
Toàn tỉnh					**6**		**24**															

Phụ lục XIX

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG DQTV NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Độc lập					Phối hợp					Cộng				
		Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá tài sản thu được (VNĐ)	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá tài sản thu được (VNĐ)	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá thành tiền (VNĐ)
1	Tân Châu						1.480	3.999	472	203	139.500.000	1.480	3.999	472	203	139.500.000
2	Tân Biên	239	527				1.628	3.792	27	81	78.236.000	1.867	4.319	27	81	78.236.000
3	Châu Thành	1.654	6.532				2.086	9.554	12	12	3.500.000	3.740	16.086	12	12	
4	Bến Cầu						565	2.610	16	24	772.556.000	565	2.610	16	24	772.556.000
5	Trảng Bàng	683	3.394	192	128		348	2.306	435	309	87.600.000	1.031	5.700	627	437	87.600.000
6	Gò Dầu						679	1.824	85			679	1.824	85		
7	DMC						450	950	1	1	800 viên pháo nổ	450	950	1	1	800 viên pháo nổ
8	Hòa Thành	47	201	38	17		465	729	175	131	178.155.000	512	930	213	148	178.155.000
9	TpTN						788	2.354	257	466	119.950.000	788	2.354	257	466	119.950.000
Toàn tỉnh		**2.623**	**10.654**	**230**	**145**		**8.489**	**28.118**	**1.480**	**1.227**	**1.379.497.000**	**11.112**	**38.772**	**1.710**	**1.372**	**1.375.997.000**

Phụ lục XX

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TUẦN TRA BIÊN GIỚI, ĐỊA BÀN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ THAM GIA ĐIỀU TIẾT GIAO THÔNG CỦA LỰC LƯỢNG DQTV NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365/BC-UBND ngày 20../11/2018 của UBND tỉnh)

Địa phương	Tuần tra tuyến biên giới				Tuần tra địa bàn KCN				Tham gia điều tiết giao thông				Cộng				
	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Số lần	Số lượt người	Số vụ việc	Đối tượng bắt được	Trị giá thành tiền VNĐ
Tân Châu	790	2.373	11	18									790	2.373	11	18	
Tân Biên	351	810	9	11					105	187			456	997	9	11	287.000.000
Châu Thành	746	2.272	2	3	120	444			124	459			990	3.175	2	3	
Bến Cầu	230	1.547	18	32									230	1.547	18	32	26.000 USD
Trảng Bàng	180	643	39	37	230	838	55	31	7	25			417	1.506	94	68	
Gò Dầu					438	876			9	18			447	894			
DMC					73	170			174	418			247	588			
Hòa Thành									7	43			7	43			
TpTN									14	208			14	208			
Toàn tỉnh	**2.297**	**7.645**	**79**	**101**	**861**	**2.328**	**55**	**31**	**440**	**1.358**			**3.598**	**11.331**	**134**	**132**	26.000 USD và 287,000,000

Phụ lục XXI

THỐNG KÊ KẾT QUẢ LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ LÀM CÔNG TÁC DÂN VẬN GIÚP DÂN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Xây, sửa nhà	Nạo vét, khai thông kênh mương, cống rãnh	Làm đường giao thông nông thôn	Khắc phục hậu quả thiên tai (đắp đê bao)	Khắc phục hậu quả thiên tai (Lũ lụt, lốc xoáy…)		Làm cầu, cống	Gieo, trồng, thu hoạch lúa (hoa màu)	Phát hoang, khơi thông dòng chảy	Khác	Tổng cộng quân số/ngày công tham gia		Khám, phát thuốc, tặng quà cho các đối tượng					
														Khám bệnh, phát thuốc cho đối tượng chính sách, hộ nghèo, học sinh nghèo học giỏi		Tặng quà cho đối tượng chính sách, hộ nghèo		Tặng quà cho học sinh nghèo học giỏi	
		Cái	m	m	m	Số lần	Hộ dân	Cái	ha	m	Ngày công	Lượt người	Ngày công	Đợt	Người	Số đối tượng	Số tiền (đồng)	Số học sinh	Số tiền (đồng)
1	Tân Châu	12	5.360	18.700				4	5,4	125.900	492	1.800	1.800			2	600.000		
2	Tân Biên	14	17.050	18.900				54		15.000		1.983	2.350	4	638	192	45.700.000	200	19.000.000
3	Châu Thành	45	3.500	17.300						33.100		883	3.532						
4	Bến Cầu	12	4.213	6.590				12	25	2.750		950	9.507	2	100	50	97.000.000	200	70.000.000
5	Trảng Bàng		7.600	5.910	11					1.500	1.830	7.350							
6	Gò Dầu	4	1.096	39.183				18				2.331	2.449	5	820	362	103.100.000		
7	DMC	5	1.380	7.580				15		4.300		1.120	3.850	3	527	215	92.000.000	150	25.000.000
8	Hòa Thành	6	4.900							8.500									
9	TpTN			4.500						11.650	388	204	816						
Toàn tỉnh		**98**	**45.099**	**118.663**	**11**	**0**	**0**	**103**	**25**	**202.700**	**2.710**	**16.621**	**24.304**	**14**	**2.085**	**821**	**338.400.000**	**550**	**114.000.000**

Phụ lục XXIII

KẾT QUẢ GDQP&AN CHO HS, SV, NGƯỜI HỌC TRONG TRƯỜNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30./11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Khối THPT			Trung cấp			Trung cấp nghề			Cao đẳng sư phạm			Cao đẳng nghề			Tr Chính trị			Giáo viên GDQPAN
		TT GDTX																		
		Số trường	Số học sinh	Đã học	Số trường	Số học sinh	Đã học	Số trường	Số học sinh	Đã học	Số trường	Số học sinh	Đã học	Số trường	Số học sinh	Đã học	Số trường	Số cán bộ	Đã học	
1	Tân Châu	4	2.894	2.894																8
2	Tân Biên	3	2.138	2.138																9
3	Châu Thành	3	2.108	2.108	1	301	51													10
4	Bến Cầu	2	1.371	1.371																5
5	Trảng Bàng	4	3.774	3.774				1	185	185										13
6	Gò Dầu	4	3.439	3.439																14
7	DMC	3	2.441	2.441																10
8	Hòa Thành	3	3.833	3.833													1	1.115	1.115	13
9	TpTN	6	5.493	5.493	2	771	291				1	553	115	1	2.296	426				18
Toàn tỉnh		**32**	**27.491**	**27.491**	**3**	**1.072**	**342**	**1**	**185**	**185**	**1**	**553**	**115**	**1**	**2.296**	**426**	**1**	**1.115**	**1.115**	**100**

Phụ lục XXII

KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG KTQP&AN CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 20../11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đối tượng 1			Đối tượng 2			Đối tượng 3			Đối tượng 4			Chức sắc			Chức việc			Đối tượng khác		
		TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD	TS	Đã BD	Chưa BD
1	Tân Châu							25		12	550	270	280	6	6		122	70	52	255	200	55
2	Tân Biên							8		4	358	358		5	5		45	45		2.176	140	2.036
3	Châu Thành							10		10	426	313	113	3	3		68	67	1	248		248
4	Bến Cầu							4		4	109	65	44	1	1		33		33	1.516	174	1.342
5	Trảng Bàng										429	429		1	1		36	36				
6	Gò Dầu							4		4	235	235		2	2		82	62	20			
7	DMC							18		4	178	178		1	1		50	26	24	25		25
8	Hòa Thành							8		7	377	377		2	2		150	0	150	45		45
9	TpTN							20		20	247	247		9	9		28	28		318		318
10	Sở, ban, ngành							315		315	1.759	468	1.291									
	Toàn tỉnh	**5**	**3**	**2**	**57**	**33**	**24**	**412**	**179**	**233**	**4.668**	**2.940**	**1.728**	**30**	**30**		**614**	**334**	**280**	**4.583**	**514**	**4.069**

*** Ghi chú:**

- Đối tượng 1: Tham gia 03 khóa/03 đ/c.
- Đối tượng 2: Tham gia 05 khóa/39 đ/c.
- Đối tượng 3: Tổ chức 02 khóa/179 đ/c.
- Đối tượng 4: Tổ chức 49 lớp/2672 đ/c. Công an tỉnh tổ chức 03 lớp/168 đồng chí.
- Chức sắc, nhà tu hành, già làng, trưởng họ tộc: 02 lớp/30 vị; chức việc tôn giáo: 07 lớp/438 người. Chủ hộ dân biên giới: 05 lớp/514 người.
- Công nhân lao động nông trường cao su Tân Biên: 02 lớp/200 người.

Phụ lục XXIV

KẾT QUẢ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC QP&AN CHO TOÀN DÂN NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 365 /BC-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Chuyên mục trên truyền hình				Chuyên mục trên đại phát thanh, truyền hình				Các hình thức khác		
		Tuần	Tháng	+	Tin, bài	Tuần	Tháng	+	Tin, bài	Tuần	Tháng	+
1	Tân Châu	12	126	138			126	126			140	140
2	Tân Biên	10	40	50	5	297	112	409	12	397	69	466
3	Châu Thành	18	70	90	286	383	769	1.152	1.398	159	397	556
4	Bến Cầu	9	27	36		72	156	228	140	32	75	107
5	Trảng Bàng	15	47	62	26	66	264	330	37			
6	Gò Dầu	9	27	36			231	231				
7	DMC	31	12	43	20	36	9	45	360		3.000	3.000
8	Hòa Thành	8	24	32		9	36	45	1	4	4	8
9	TpTN	10	40	50	156				542		84	84
Toàn tỉnh		**122**	**413**	**535**	**493**	**863**	**1.703**	**2.566**	**2.490**	**592**	**3.769**	**4.361**